

BỘ TƯ PHÁP**BỘ TƯ PHÁP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10/2014/TT-BTP

Hà Nội, ngày 07 tháng 4 năm 2014

THÔNG TƯ**Quy định nghĩa vụ tham gia bồi dưỡng về chuyên môn,
nghiep vụ của luật sư**

Căn cứ Luật luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật luật sư số 20/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 22/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật luật sư;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hỗ trợ tư pháp;

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư quy định nghĩa vụ tham gia bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ của luật sư.

Chương I**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này quy định về đối tượng, thời gian, hình thức, nội dung bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ của luật sư; xử lý luật sư vi phạm nghĩa vụ tham gia bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ (sau đây gọi tắt là nghĩa vụ tham gia bồi dưỡng); học phí tham gia lớp bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ của luật sư; trách nhiệm của luật sư, tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư, cơ quan quản lý nhà nước về luật sư và hành nghề luật sư đối với việc thực hiện nghĩa vụ tham gia bồi dưỡng; xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

2. Thông tư này áp dụng đối với các luật sư Việt Nam, tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư, cơ sở đào tạo nghề luật sư, cơ quan quản lý nhà nước về luật sư và hành nghề luật sư.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện bồi dưỡng

Việc thực hiện bồi dưỡng phải đảm bảo các nguyên tắc sau đây:

1. Cập nhật, bổ sung kiến thức pháp luật, kỹ năng hành nghề luật sư.
2. Bảo đảm đúng, đủ thời gian, nội dung, chương trình và chất lượng bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ của luật sư.
3. Bảo đảm trách nhiệm, hiệu quả của việc thực hiện nghĩa vụ tham gia bồi dưỡng.

Điều 3. Trách nhiệm của luật sư

1. Tham gia đầy đủ thời gian bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ.
2. Lựa chọn nội dung, chương trình bồi dưỡng phù hợp với lĩnh vực hành nghề của mình.
3. Đóng học phí tham gia lớp bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ của luật sư (sau đây gọi tắt là lớp bồi dưỡng) theo quy định tại Điều 13 của Thông tư này, trừ trường hợp được miễn theo quy định của Liên đoàn luật sư Việt Nam.
4. Gửi Đoàn luật sư nơi luật sư là thành viên một trong các giấy tờ quy định tại Điều 14 của Thông tư này để chứng minh việc thực hiện nghĩa vụ tham gia bồi dưỡng trước ngày 15/12 hàng năm.
5. Các trách nhiệm khác theo quy định của Luật luật sư, Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật luật sư (sau đây gọi tắt là Nghị định số 123/2013/NĐ-CP) và Thông tư này.

Điều 4. Trách nhiệm của tổ chức hành nghề luật sư

1. Tạo điều kiện cho luật sư của tổ chức mình hoàn thành nghĩa vụ tham gia bồi dưỡng.
2. Kiểm tra việc thực hiện nghĩa vụ tham gia bồi dưỡng đối với luật sư của tổ chức mình.
3. Gửi Sở Tư pháp, Đoàn luật sư nơi có trụ sở danh sách luật sư đã tham gia lớp bồi dưỡng do tổ chức hành nghề luật sư thực hiện trước ngày 15/12 hàng năm.
4. Các trách nhiệm khác theo quy định của Luật luật sư, Nghị định số 123/2013/NĐ-CP và Thông tư này.

Điều 5. Trách nhiệm của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư

1. Đoàn luật sư có trách nhiệm sau đây:
 - a) Lập danh sách các luật sư thực hiện nghĩa vụ tham gia bồi dưỡng hàng năm của Đoàn mình, gửi Liên đoàn luật sư Việt Nam đồng gửi Sở Tư pháp nơi có trụ sở và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Đoàn luật sư hoặc thông báo tại trụ sở của Đoàn luật sư;

b) Kiểm tra việc thực hiện nghĩa vụ tham gia bồi dưỡng của luật sư là thành viên của Đoàn mình;

c) Xử lý kỷ luật luật sư vi phạm nghĩa vụ tham gia bồi dưỡng theo quy định của Luật luật sư, Thông tư này và Điều lệ của Liên đoàn luật sư Việt Nam;

d) Giải quyết khiếu nại, tố cáo về bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của luật sư theo quy định của Luật luật sư, Thông tư này và Điều lệ của Liên đoàn luật sư Việt Nam;

đ) Các trách nhiệm khác theo quy định của Luật luật sư, Nghị định số 123/2013/NĐ-CP và Thông tư này.

2. Liên đoàn luật sư Việt Nam có trách nhiệm sau đây:

a) Xây dựng nội dung, chương trình, tài liệu, kế hoạch bồi dưỡng hàng năm và phê duyệt sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Tư pháp;

b) Quy định khung mức thu học phí của luật sư tham gia lớp bồi dưỡng, đối tượng miễn, giảm học phí tham gia lớp bồi dưỡng sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Tư pháp;

c) Chịu trách nhiệm về chất lượng, hiệu quả của lớp bồi dưỡng do các tổ chức quy định tại Điều 11 của Thông tư này thực hiện;

d) Lập danh sách các luật sư trên phạm vi toàn quốc thực hiện nghĩa vụ tham gia bồi dưỡng hàng năm và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Liên đoàn luật sư Việt Nam;

đ) Hướng dẫn, theo dõi, giám sát, tổng kết, đánh giá việc thực hiện nghĩa vụ tham gia bồi dưỡng trên phạm vi toàn quốc;

e) Giải quyết khiếu nại, tố cáo về bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của luật sư theo quy định của Luật luật sư, Thông tư này và Điều lệ của Liên đoàn luật sư Việt Nam;

g) Trước ngày 31/12 hàng năm hoặc theo yêu cầu, báo cáo Bộ Tư pháp về việc thực hiện nghĩa vụ tham gia bồi dưỡng của luật sư trong phạm vi cả nước;

h) Các trách nhiệm khác theo quy định của Luật luật sư, Nghị định số 123/2013/NĐ-CP và Thông tư này.

Điều 6. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

Sở Tư pháp thực hiện kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm về bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của luật sư theo quy định của Luật luật sư, Nghị định số 123/2013/NĐ-CP, Thông tư này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 7. Trách nhiệm của Bộ Tư pháp

1. Bộ Tư pháp thực hiện quản lý nhà nước về bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của luật sư có trách nhiệm sau đây:

a) Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của luật sư theo quy định của Luật luật sư, Nghị định số 123/2013/NĐ-CP, Thông tư này và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

b) Đình chỉ thi hành và yêu cầu sửa đổi, bổ sung các quy định, hướng dẫn của Liên đoàn luật sư Việt Nam về bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của luật sư trái với các quy định của Luật luật sư, Nghị định số 123/2013/NĐ-CP và Thông tư này;

c) Giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với các quy định, hướng dẫn, quyết định của Liên đoàn luật sư Việt Nam liên quan đến bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của luật sư.

2. Cục Bổ trợ tư pháp giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp thực hiện quản lý nhà nước về bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của luật sư theo quy định tại khoản 1 Điều này có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Cho ý kiến đối với nội dung, chương trình, tài liệu, kế hoạch bồi dưỡng hàng năm do Liên đoàn luật sư Việt Nam xây dựng;

b) Cho ý kiến đối với quy định của Liên đoàn luật sư Việt Nam về khung mức thu học phí, đối tượng miễn, giảm học phí tham gia lớp bồi dưỡng;

c) Kiểm tra, thanh tra việc ban hành, thực hiện các quy định, hướng dẫn về bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của luật sư và việc tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của luật sư nhằm đảm bảo sự phù hợp với các quy định của pháp luật;

d) Đề xuất Bộ trưởng Bộ Tư pháp đình chỉ, yêu cầu sửa đổi, bổ sung các quy định, hướng dẫn về bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của luật sư trái với quy định của pháp luật;

đ) Giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với các quy định, hướng dẫn, quyết định của Liên đoàn luật sư Việt Nam liên quan đến bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của luật sư;

e) Các trách nhiệm khác theo quy định của Luật luật sư, Nghị định số 123/2013/NĐ-CP và Thông tư này.

Chương II

BỒI DƯỠNG VỀ CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ CỦA LUẬT SƯ

Điều 8. Thời gian tham gia bồi dưỡng

Thời gian tham gia bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ của luật sư tối thiểu là 02 ngày làm việc/năm (16 giờ làm việc/năm).

Điều 9. Tạm hoãn thực hiện nghĩa vụ tham gia bồi dưỡng

1. Luật sư được tạm hoãn thực hiện nghĩa vụ tham gia bồi dưỡng trong thời hạn một năm trong trường hợp do yêu cầu điều trị dài ngày tại cơ sở khám chữa